

Số: 12/2020/QĐST- KDTM

Đông Anh, ngày 12 tháng 02 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 30 Luật thi hành án dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 04 tháng 02 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 138/2019/TLST- KDTM ngày 24 tháng 12 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn **07** (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần X.

Trụ sở: Số 108 THĐ, quận HK, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Đức T – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần X: Bà Dương Thị Hải Y – Phó giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần X – Chi nhánh ĐA; Ông Nguyễn Thế Q – Trưởng phòng giao dịch VH Ngân hàng thương mại cổ phần X (Theo Văn bản ủy quyền số 742/UQ-HĐQT-NHCT18

ngày 24/7/2019).

Bị đơn: Ông Nguyễn Xuân H, sinh năm 1962.

Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn TB, xã VH, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H: Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1963; Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn TB, xã VH, huyện ĐA, thành phố Hà Nội (Có lời khai ủy quyền ngày 31/12/2019).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1963.
2. Anh Nguyễn Xuân D, sinh năm 1987.
3. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1992.
4. Cháu Nguyễn Xuân T, sinh ngày 05/12/2013.
5. Cháu Nguyễn Xuân P, sinh ngày 21/5/2016.

Cùng có hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn TB, xã VH, huyện ĐA, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật của các cháu T và P là bố mẹ đẻ của các cháu: Anh Nguyễn Xuân D, sinh năm 1987; Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1992; Cùng có hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn TB, xã VH, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

2/ Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Nguyễn Xuân H hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh số 01I801xxxx đăng kí lần đầu ngày 20/04/2015, đăng kí thay đổi lần 1 ngày 30/05/2016; Ngành nghề kinh doanh chính: Buôn bán, sản xuất đồ gỗ mỹ nghệ,...

Ông Nguyễn Xuân H có quan hệ tín dụng với Ngân hàng thương mại cổ phần X - Chi nhánh ĐA (sau đây gọi tắt là VBank ĐA) theo Hợp đồng tín dụng số: 68/2018-HĐCVHM/NHCT144 ngày 11/06/2018, Hạn mức cho vay: 2.000.000.000 đồng; Thời hạn cho vay theo từng giấy nhận nợ tối đa là 5 tháng; Lãi suất cho vay theo từng giấy nhận nợ được điều chỉnh theo từng thời kỳ.

Dư nợ gốc của Hợp đồng tín dụng trên tính đến ngày 20/11/2019 là: 1.410.000.000đồng, được thể hiện qua Giấy nhận nợ sau:

- Giấy nhận nợ số 12 ngày 02/05/2019; Ngày đến hạn: 02/10/2019; Số tiền vay: 480.000.000 đồng; lãi suất cho vay: 9%/năm;

- Giấy nhận nợ số 13 ngày 04/05/2019; Ngày đến hạn: 04/10/2019; Số tiền vay: 120.000.000 đồng; lãi suất cho vay: 9%/năm;

- Giấy nhận nợ số 14 ngày 05/06/2019; Ngày đến hạn: 05/11/2019; Số tiền vay: 380.000.000 đồng; lãi suất cho vay: 9%/năm;

- Giấy nhận nợ số 15 ngày 10/06/2019; Ngày đến hạn: 10/11/2019; Số tiền vay: 430.000.000 đồng; lãi suất cho vay: 9%/năm;

*** Cách tính lãi suất cho vay:**

- Lãi vay trong hạn bằng (=) Dư nợ gốc thực tế nhân (x) Số ngày vay thực tế nhân (x) Lãi suất cho vay trong hạn chia (:) Ba trăm sáu mươi lăm ngày (365).

- Lãi phạt nợ gốc quá hạn bằng (=) Dư nợ gốc quá hạn nhân (x) Số ngày quá hạn nhân (x) Lãi suất phạt nợ gốc quá hạn chia (:) Ba trăm sáu mươi lăm ngày (365).

- Lãi suất phạt nợ gốc quá hạn: Ngoài lãi suất cho vay trong hạn, trong trường hợp bên vay không trả nợ đầy đủ và đúng hạn bất kỳ khoản nợ nào, bên vay phải thanh toán thêm khoản lãi phạt quá hạn với mức lãi suất phạt nợ gốc quá hạn bằng (50%) lãi suất cho vay trong hạn.

Đề bảo đảm cho khoản vay của Hợp đồng tín dụng số 68/2018-HĐCVHM/NHCT144 ngày 11/06/2018, vợ chồng ông Nguyễn Xuân H đã ký Hợp đồng thế chấp số 414/TC/2017 ngày 05/04/2017: Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất mang tên hộ gia đình ông Nguyễn Xuân H và bà Nguyễn Thị X có địa chỉ tại thửa đất số 18, tờ bản đồ số QHPL, thôn TB, xã VH, huyện ĐA, thành phố Hà Nội; diện tích đất: 120m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số bìa: G49xxxx; vào sổ cấp GCNQSDĐ số: CS-ĐA 08126 do Sở tài nguyên môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 21/12/2016. Giá trị tài sản: 3.360.000.000 đồng (theo biên bản định giá lại ngày 05/4/2017); Đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh ĐA ngày 12/04/2017.

Trong quá trình vay vốn tại Ngân hàng thương mại cổ phần X - Chi nhánh ĐA, ông Nguyễn Xuân H đã vay tổng số tiền là: 1.410.000.000 đồng; khoản vay đã bị quá hạn từ ngày 03/10/2019.

Tính đến ngày 03/02/2020, ông H còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần X là: 1.480.106.604 đồng (Một tỷ, bốn trăm tám mươi triệu, một trăm linh sáu nghìn, sáu trăm linh tư đồng), trong đó:

+ Nợ gốc:	1.410.000.000 đồng;
+ Nợ lãi trong hạn:	51.304.432 đồng;

+ Nợ lãi phạt quá hạn: 18.802.172 đồng.

Các bên thông nhất: Ông Nguyễn Xuân H có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng số tiền ông còn nợ Ngân hàng tính đến hết ngày 03/02/2020 là: 1.480.106.604 đồng (Một tỷ, bốn trăm tám mươi triệu, một trăm linh sáu nghìn, sáu trăm linh tư đồng). Ông H phải tiếp tục chịu lãi theo lãi suất quá hạn mà các bên đã thỏa thuận trong: Hợp đồng cho vay hạn mức số: 68/2018-HĐCVHM/NHCT144 ngày 11/06/2018; Giấy nhận nợ số 12 ngày 02/05/2019; Giấy nhận nợ số 13 ngày 04/05/2019; Giấy nhận nợ số 14 ngày 05/06/2019; Giấy nhận nợ số 15 ngày 10/06/2019 trên số nợ gốc kể từ ngày 04/02/2020 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ với Ngân hàng.

Lộ trình thanh toán nợ của ông Nguyễn Xuân H với Ngân hàng cụ thể như sau: Vào ngày 25 hàng tháng kể từ tháng 02/2020 mỗi tháng ông H phải nộp cho Ngân hàng 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) và được ưu tiên trừ vào khoản nợ gốc; đến ngày 25/6/2020, ông H phải có trách nhiệm tất toán toàn bộ khoản nợ còn lại theo Hợp đồng cho vay hạn mức số: 68/2018-HĐCVHM/NHCT144 ngày 11/06/2018; Giấy nhận nợ số 12 ngày 02/05/2019; Giấy nhận nợ số 13 ngày 04/05/2019; Giấy nhận nợ số 14 ngày 05/06/2019; Giấy nhận nợ số 15 ngày 10/06/2019 cho Ngân hàng. Trong quá trình thực hiện lộ trình trả nợ nói trên nếu ông H vi phạm bất kỳ thời điểm nào của lộ trình thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền có địa chỉ tại thửa đất số 18, tờ bản đồ số QHPL, thôn TB, xã VH, huyện ĐA, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số bìa: G49xxxx; vào sổ cấp GCNQSDĐ số: CS-ĐA 08126 do Sở tài nguyên môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 21/12/2016 cho ông Nguyễn Xuân H và bà Nguyễn Thị X. Tài sản được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 414/TC/2017 ngày 05/04/2017 tại Văn phòng công chứng ĐA; Đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh ĐA ngày 12/04/2017, để thu hồi toàn bộ khoản nợ của ông với Ngân hàng. Việc xử lý tài sản bảo đảm được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: 56.403.198 đồng (Năm mươi sáu triệu, bốn trăm linh ba nghìn, một trăm chín mươi tám đồng) nhưng do các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên chỉ phải chịu $1/2 = 28.201.599$ đồng (Hai mươi tám triệu, hai trăm linh một nghìn, năm trăm chín

mười chín đồng) tiền án phí. Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự để ông Nguyễn Xuân H chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Do vậy ông H phải nộp 28.201.599 đồng (Hai mươi tám triệu, hai trăm linh một nghìn, năm trăm chín mươi chín đồng) tiền án phí sơ thẩm.

Ngân hàng thương mại cổ phần X không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm nên được hoàn trả lại số tiền 27.590.000 đồng (Hai mươi bảy triệu, năm trăm chín mươi nghìn đồng) đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/001xxxx ngày 24/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Anh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Thanh